

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN M'ĐRẮK
TỈNH ĐẮK LẮK**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 01/2022/HNGĐ-ST
Ngày 26 - 01 - 2022
V/v Ly hôn, nuôi con

NHÂN DANH

**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN M'ĐRẮK, TỈNH ĐẮK LẮK**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: ông Nguyễn Thế Dương.

Các Hội thẩm nhân dân: Bà Phạm Thị Thu Dương; Bà Hòa Thị Hằng.

- Thư ký phiên tòa: Ông Vũ Văn Hoàng, thư ký Tòa án nhân dân huyện M'Đrăk.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện M'Đrăk tham gia phiên tòa: ông Y Gon Niê - Kiểm sát viên.

Ngày 26 tháng 01 năm 2022 tại hội trường Tòa án nhân dân huyện M'Đrăk xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 139/2021/TLST-HNGĐ ngày 16 tháng 11 năm 2021 về "Ly hôn, nuôi con khi ly hôn" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 01/2022/QĐXXST-HNGĐ ngày 10 tháng 01 năm 2022, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Bà Vũ Thị D sinh năm 1977. Địa chỉ: 146 C, tổ 4, phường H, thành phố P, tỉnh G. Bà D vắng mặt tại phiên tòa (bà D có đơn đề nghị giải quyết vắng mặt).

- *Bị đơn:* Ông Lê Thanh T sinh năm 1976. Nơi đăng ký HKTT: Thôn Đ, xã I, huyện C, tỉnh G. Đang chấp hành án tại trại giam Đ, thôn 1, xã E, huyện M, tỉnh Đ. Ông T vắng mặt tại phiên tòa (ông T có đơn đề nghị giải quyết vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

* Trong đơn khởi kiện và bản tự khai, nguyên đơn bà Vũ Thị D trình bày:

Bà D và ông Lê Thanh T tự nguyện đăng ký kết hôn với nhau tại UBND xã I vào ngày 20/5/2004. Bà D và ông T chung sống đến năm 2014 thì vợ chồng phát sinh mâu thuẫn về tiền bạc và tình cảm, do ông T tự ý vay mượn tiền của nhiều người dẫn đến nợ nần chồng chất. Năm 2017, ông T bị Tòa án nhân dân huyện C, tỉnh G xử phạt 07 năm tù và phải đi chấp hành án cho đến nay. Quá trình ông T chấp hành

án, bà D có đến thăm gặp ông T, bà vẫn lo làm ăn để trả nợ cho ông T và chăm sóc các con. Nhưng bà D nhận thấy không còn tình cảm với ông T, nên bà D yêu cầu Tòa án giải quyết cho ly hôn với ông T.

Về con chung: bà D và ông T có 02 con chung là Lê Đại T1 sinh ngày 26/4/2005 và Lê Đại T2 sinh ngày 12/6/2008. Khi ly hôn, bà D yêu cầu được trực tiếp nuôi các con đến khi con thành niên, không yêu cầu ông T phải cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản và nợ chung của vợ chồng: bà D và ông T không có tài sản chung, nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

* Tại bản tự khai ngày 04 tháng 12 năm 2021, bị đơn là Lê Thanh T trình bày: Ông T và bà D tự nguyện đăng ký kết hôn với nhau từ năm 2004. Ông T và bà D đều làm tại đơn vị quân đội, nhưng do khó khăn về kinh tế, bà D nghỉ việc để đi xuất khẩu lao động từ năm 2010 đến năm 2015. Ông T bị Tòa án xử phạt 07 năm tù về tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản”, phải chấp hành án phạt tù từ năm 2017 đến nay. Từ khi ông T chấp hành án đến nay, bà D không quan tâm, liên lạc với ông T, nên tình cảm vợ chồng không còn mặn mà. Ông T chấp nhận yêu cầu giải quyết ly hôn của bà D.

Về con chung: Ông T và bà D có 02 con, như bà D trình bày. Ông T đang chấp hành án phạt tù, nên ông đồng ý để bà D trực tiếp nuôi con.

Về tài sản và nợ chung của vợ chồng: Ông T và bà D không có tài sản chung, nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

* Ý kiến của Kiểm sát viên:

- Về tố tụng:

Thẩm phán xác định đúng quan hệ pháp luật, thẩm quyền giải quyết vụ án; xác định đúng tư cách tham gia tố tụng của các đương sự; việc thu thập chứng cứ, trình tự giải quyết vụ án theo đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự (BLTTDS).

Trong quá trình thụ lý, giải quyết, xét xử vụ án, Thẩm phán, Hội đồng xét xử (HĐXX), Thư ký phiên tòa và các đương sự đã chấp hành đúng các quy định của pháp luật.

- Về nội dung:

Đề nghị HĐXX chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà D: Xử cho bà D được ly hôn với ông T; Giao con Lê Đại T1 sinh ngày 26/4/2005 và Lê Đại T2 sinh ngày 12/6/2008 cho bà D trực tiếp nuôi dưỡng đến khi con thành niên (đủ 18 tuổi).

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, ý kiến phát biểu của đại diện Viện kiểm sát. HĐXX nhận định:

[1]. Về tố tụng và quan hệ pháp luật cần giải quyết:

Bà Vũ Thị D khởi kiện yêu cầu Tòa án nhân dân huyện C, tỉnh G giải quyết cho ly hôn với ông Lê Thanh T có nơi đăng ký hộ khẩu tại thôn Đ, xã I, huyện C, tỉnh G. Tòa án nhân dân huyện C chuyển đơn khởi kiện đến Tòa án nhân dân huyện M'Đrăk để giải quyết theo thẩm quyền vì ông T đang chấp hành án tại trại giam Đ đóng tại thôn 1, xã EaPil huyện M'Đrăk, tỉnh Đắk Lắk. Quan hệ pháp luật cần giải quyết là tranh chấp ly hôn, nuôi con theo quy định tại khoản 1 Điều 28 BLTTDS. Vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện M'Đrăk theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 của BLTTDS.

Trong thời gian chuẩn bị xét xử, bà D và ông T đã trình bày lời khai và có đơn đề nghị Tòa án giải quyết, xét xử vắng mặt. Tại phiên tòa bà D và ông T vắng mặt, căn cứ vào khoản 1 Điều 228 BLTTDS, việc xét xử vẫn được tiến hành.

[2]. Về nội dung: bà D và ông T tự nguyện kết hôn với nhau và đăng ký tại Ủy ban nhân dân xã I, huyện C, tỉnh G vào ngày 20/5/2004. Hôn nhân giữa ông T và bà D là hợp pháp. Ông T đang chấp hành án phạt tù, nên ông T và bà D không còn chung sống với nhau từ năm 2017. Đến nay, bà D và ông T không còn tình cảm gì với nhau và cùng có nguyện vọng được giải quyết cho ly hôn. Xét thấy mục đích hôn nhân giữa ông T và bà D không đạt được, căn cứ khoản 1 Điều 56 của Luật Hôn nhân và gia đình, HĐXX cần chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà D, xử cho bà D được ly hôn với ông T.

Về con chung: ông T và bà D có 02 con là Lê Đại T1 sinh ngày 26/4/2005 và Lê Đại T2 sinh ngày 12/6/2008. Ông T đang chấp hành án phạt tù, nên không thể trực tiếp nuôi con, ông bà đều thống nhất giao con cho bà D trực tiếp nuôi dưỡng. Các cháu T1 và T2 đều có nguyện vọng được bà D trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng. Để đảm bảo quyền và lợi ích của các con, HĐXX cần giao các con cho bà D trực tiếp nuôi dưỡng là phù hợp. Bà D không yêu cầu ông T phải cấp dưỡng nuôi con, nên HĐXX không xem xét.

Về tài sản và nợ chung của vợ chồng: bà D và ông T không yêu cầu Tòa án giải quyết, nên HĐXX không xem xét.

[3] Về án phí: căn cứ vào khoản 4 Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự và điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban

thường vụ Quốc hội, bà D là nguyên đơn phải chịu 300.000đồng tiền án phí dân sự sơ thẩm không có giá ngạch về Hôn nhân và gia đình.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

Áp dụng khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, Điều 39, khoản 4 Điều 147, Điều 220, khoản 1 Điều 228, Điều 266, Điều 271 và Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 51, Điều 56; Điều 81; Điều 82, 83 của Luật hôn nhân và gia đình; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội, tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu đơn khởi kiện của nguyên đơn bà Vũ Thị D:

- Về quan hệ hôn nhân: Xử cho bà Vũ Thị D được ly hôn với ông Lê Thanh T.

- Về con chung: Giao con Lê Đại T1 sinh ngày 26/4/2005 và Lê Đại T2 sinh ngày 12/6/2008 cho bà Vũ Thị D trực tiếp nuôi dưỡng đến khi con thành niên (đủ 18 tuổi).

Vì lợi ích của con, theo yêu cầu của một hoặc cả hai bên, Tòa án có thể quyết định thay đổi người trực tiếp nuôi con và nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con. Sau khi ly hôn, người không trực tiếp nuôi con có quyền thăm nom con; không ai được cản trở người đó thực hiện quyền này.

2. Về án phí: bà Vũ Thị D phải chịu 300.000đồng tiền án phí dân sự sơ thẩm về Hôn nhân và gia đình, được khấu trừ vào 300.000đồng tiền tạm ứng án phí mà bà D đã nộp, theo biên lai số 60AA/2021/0005216 ngày 16 tháng 11 năm 2021 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện M'Đrăk.

3. Thông báo quyền kháng cáo: nguyên đơn, bị đơn vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

T.M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa
(Đã ký)

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Đắk Lắk;
- VKSND huyện M'Đrăk;
- Chi cục T.H.A dân sự huyện M'Đrăk;
- UBND xã Ia Tôr;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

Nguyễn Thế Dương